

PHỤ LỤC I

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 452 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư/Dự kiến quy mô đầu tư (*)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến mức vốn bố trí giai đoạn 2021-2025					Dự kiến mức vốn bố trí năm 2024 (*)		
						Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn nguồn vốn)	Trong đó:	
								NSTW (vốn nước ngoài)	NSDP (ngân sách tỉnh đối ứng)		NSTW (vốn nước ngoài)	Trong đó:		NSDP (ngân sách tỉnh đối ứng)		NSTW (vốn nước ngoài)	NSDP (ngân sách tỉnh đối ứng) (**)
TỔNG SỐ							62.900	57.453	5.447	68.634	63.187	57.453	5.734	5.447	27.906	25.275	2.631
Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum		Sở Y tế				1178/QĐ-UBND, 30/11/2020	62.900	57.453	5.447	68.634	63.187	57.453	5.734	5.447	27.906	25.275	2.631
Danh mục dự án năm 2024								25.373				25.373			27.906	25.275	2.631
1	Pô Kô, huyện Đăk Tô		Xây dựng mới nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 350m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Pô Kô, huyện Đăk Tô	2024-2025			4.544				4.544				4.446	463
2	Chư Hreng, thành phố Kon Tum		Xây dựng mới nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 350m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum	2024-2025			4.544				4.544				4.544	473
3	Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi		Xây dựng mới nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 350m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi	2024-2025			4.544				4.544				4.544	473
4	Pờ Y, huyện Ngọc Hồi		Xây dựng mới khu khám và điều trị, diện tích khoảng 100m2; cải tạo, sửa chữa nhà trạm cũ, diện tích khoảng 220m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi	2024-2025			2.909				2.909				2.909	303
5	Ngọc Bay, thành phố Kon Tum		Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà trạm cũ, diện tích khoảng 270m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Ngọc Bay, thành phố Kon Tum	2024-2025			3.084				3.084				3.084	321
6	Đăk Cấm, thành phố Kon Tum		Xây dựng mới nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 180m2; cải tạo, sửa chữa nhà trạm cũ, diện tích khoảng 90m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum	2024-2025			2.874				2.874				2.874	299
7	Ya Chim, thành phố Kon Tum		Xây dựng mới nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 180m2; cải tạo, sửa chữa nhà trạm cũ, diện tích khoảng 100m2; các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ Y tế	Xã Ya Chim, thành phố Kon Tum	2024-2025			2.874				2.874				2.874	299

Ghi chú:

(*) Quy mô, mức vốn bố trí từng dự án đầu tư nêu trên là dự kiến; trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có thay đổi thì điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền nhưng không vượt quá tổng kế hoạch vốn năm 2024 của từng dự án thành phần đã được cấp thẩm quyền giao kế hoạch cho đơn vị.

(**) Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách địa phương đối ứng năm 2024 (2.631 triệu đồng) tại Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 452 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư/Dự kiến quy mô đầu tư (*)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến mức vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Dự kiến mức vốn bố trí năm 2024 (*)
						Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
								Vốn NSTW	Vốn NSDP (ngân sách tỉnh)		
	TỔNG SỐ						121.859	82.390	39.469	82.390	23.995
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						121.859	82.390	39.469	82.390	23.995
I.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn						110.000	71.609	38.391	71.609	20.051
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	Trường Cao đẳng Kon Tum	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại các cơ sở của Trường: (i) Trụ sở chính (Tổ 3, Phường Ngô Mây); (ii) Khoa Kinh tế - Nông lâm và Khu thực nghiệm (Tổ 10, Phường Duy Tân); (iii) Khoa Y - Dược (số 347 đường Bà Triệu); (iv) Khoa Kỹ thuật - Công nghệ và các Trung tâm (Tổ 2, Phường Nguyễn Trãi); Đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo, thiết bị hỗ trợ	Thành phố Kon Tum	2022-2025	656/QĐ-UBND, 18/10/2022	110.000	71.609	38.391	71.609	20.051
I.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững						11.859	10.781	1.078	10.781	3.944
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu phần mềm, giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	(1) Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng và phần mềm) phục vụ hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh; (2) Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) đảm bảo hoạt động giao dịch việc làm trực tuyến và thu thập, cập nhập, lưu trữ, khai thác sử dụng thông tin Người tìm việc - Việc tìm người và xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác (sau khi các phần mềm của Trung ương hoàn thiện)	Kon Tum	2024-2025		11.859	10.781	1.078	10.781	3.944

Ghi chú: (*) Quy mô, mức vốn bố trí từng dự án đầu tư nêu trên là dự kiến; trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có thay đổi thì điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền nhưng không vượt quá tổng kế hoạch vốn năm 2024 của từng dự án thành phần đã được cấp thẩm quyền giao kế hoạch cho đơn vị.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 452 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư/Dự kiến quy mô đầu tư (*)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư/Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến mức vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Dự kiến mức vốn bố trí năm 2024 (*)
						Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
								Vốn NSTW	Vốn NSĐP (ngân sách tỉnh)		
	TỔNG SỐ						155.331	140.765	14.566	140.765	61.003
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						12.315	11.196	1.119	11.196	4.571
I.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						12.315	11.196	1.119	11.196	4.571
1	Xây mới 02 Trạm Y tế tại xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông; xã Đăk PXi, huyện Đăk Hà và Xây mới phòng khám đa khoa khu vực Đăk RVe, huyện Kon Rẫy	Sở Y tế	- Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông (San nền với diện tích khoảng 1738 m2, khối lượng san nền khoảng 878 m3; Nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 250 m2; Nhà phụ trợ, diện tích khoảng 50 m2; Nhà xe, diện tích khoảng 27 m2 và các hạng mục phụ trợ) - Trạm Y tế xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (San nền với diện tích khoảng 1.639 m2, khối lượng san nền khoảng 785 m3; Nhà trạm và lưu trú bệnh nhân, diện tích khoảng 250m2; Nhà phụ trợ, diện tích khoảng 50 m2; Nhà xe, diện tích khoảng 54 m2 và các hạng mục phụ trợ) - Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve, huyện Kon Rẫy (San nền với diện tích khoảng 2.285 m2, khối lượng san nền khoảng 1.740 m3; Nhà trạm và lưu	Xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông; xã Đăk PXi, huyện Đăk Hà và thị trấn Đăk RVe, huyện Kon Rẫy	2023-2025	118/QĐ-SKHĐT, 30/10/2023	12.315	11.196	1.119	11.196	4.571
II	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						80.691	73.354	7.337	73.354	35.619
II.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số						80.691	73.354	7.337	73.354	35.619
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Tô	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhà học 2 tầng (Xây mới, diện tích sàn khoảng 545,44m2); Nhà ở học sinh 3 tầng (Cải tạo, diện tích sàn khoảng 1.719m²); Nhà Đa năng (Cải tạo, diện tích sàn khoảng 594m2); Nhà bếp + ăn (Xây mới, diện tích sàn khoảng 341,62m²); Làm mới 1 sân bóng đá cỏ nhân tạo, diện tích khoảng 1.125m2); Làm mới sân đường bê tông nội bộ, diện tích khoảng 800m2; Hệ thống điện, nước, cấp – thoát nước hoàn chỉnh; hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; các hạng mục phụ trợ.	Thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	2024-2025	51/QĐ-SKHĐT, 14/6/2024	12.000	10.909	1.091	10.909	6.872
2	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối nhà học 06 phòng + 02 Khu vệ sinh: 02 tầng, diện tích sàn khoảng 664m2; Khối nhà ăn + nhà bếp, 01 phòng nghỉ giáo viên, 10 phòng ở học sinh: 02 tầng, diện tích sàn khoảng 774m2; Sân đường nội bộ: Diện tích khoảng 1.175 m2; Hệ thống điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy hoàn chỉnh. Các hạng mục phụ trợ.	Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	2023-2025	142/QĐ-SKHĐT, 07/12/2023	11.988	10.898	1.090	10.898	4.465
3	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông huyện Đăk Hà	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhà học 04 tầng, diện tích sàn khoảng 1.690m2; Nhà ở học sinh 03 tầng, diện tích sàn khoảng 1.450m2; 01 nhà ăn+nhà bếp 1 tầng, diện tích khoảng 450m2; 01 sân chơi+bãi tập diện tích khoảng 1.800m2; sân đường nội bộ khoảng 400m2; hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện, phòng cháy chữa cháy hoàn chỉnh và các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	Thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà	2024-2025		25.703	23.366	2.337	23.366	8.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư/Dự kiến quy mô đầu tư (*)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư/Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến mức vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Dự kiến mức vốn bố trí năm 2024 (*)
						Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
								Vốn NSTW	Vốn NSDP (ngân sách tỉnh)		
4	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông trung học Dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xây mới: 01 nhà sinh hoạt, giao dịch văn hóa dân tộc, diện tích sàn khoảng 476m2; 01 sân chơi+bãi tập, diện tích khoảng 2.200m2; Cải tạo: 06 phòng học bộ môn, diện tích sàn khoảng 2.322m2 (Cải tạo từ 2 nhà học 3 tầng và 1 dãy phòng học hiện có); Sân đường nội bộ, diện tích khoảng 600m2; Hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện, phòng cháy chữa cháy hoàn chỉnh; Phá dỡ dãy nhà làm việc 2 tầng đã quá niên hạn sử dụng và dãy nhà tạm đã xuống cấp; các hạng mục phụ trợ và thiết bị.	Phường Thống nhất, Thành phố Kon Tum	2024-2025		8.500	7.727	773	7.727	5.000
5	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Glei	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xây mới phòng ở học sinh diện tích sàn khoảng 540 m2, 01 nhà ăn+nha bếp 1 tầng diện tích khoảng 650m2, 01 sân chơi+bãi tập diện tích khoảng 1.500 m2; hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện, phòng cháy chữa cháy hoàn chỉnh; phá dỡ: dãy nhà công vụ, dãy nhà vệ sinh chung, dãy nhà ở học sinh 10 phòng, khu tắm giặt tập trung đã quá hạn niên hạn sử dụng; các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	2024-2025		10.500	9.545	955	9.545	4.000
6	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kon Rẫy	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhà học 03 tầng, diện tích sàn khoảng 995m2; Cầu nối 2 tầng, diện tích sàn khoảng 60m2; Nhà ăn + bếp 01 tầng, diện tích khoảng 437m2; 01 sân chơi+bãi tập diện tích khoảng 1.078m2; sân đường nội bộ diện tích khoảng 300m2; hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chống sét hoàn chỉnh; phá dỡ 05 phòng học đã quá niên hạn sử dụng; các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	Thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy	2024-2025		12.000	10.909	1.091	10.909	7.282
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch						18.431	16.312	2.119	16.312	8.130
1	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo quần thể di tích quốc gia đặc biệt chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phục dựng một số hạng mục trong quần thể di tích; Xây dựng sa bàn điện tử tổng thể di tích; Xây dựng hệ thống thuyết minh điện tử; Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình bảo vệ, bia di tích và phụ trợ.	Thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	2024-2025		18.431	16.312	2.119	16.312	8.130
IV	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em						32.984	29.985	2.999	29.985	9.600
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Kon Plông	Sở Y tế	- Tháo dỡ công trình cấp 4 (Nhà xe 1) với tổng diện tích sàn xây dựng 30m2. Di dời, tận dụng mái tôn, khung kèo thép các công trình cấp 4 với tổng diện tích sàn xây dựng 220m2 bao gồm các hạng mục sau: Cụm nhà xe mái vòm, Nhà xe 2, Nhà xe 3, Nhà tạm bằng tôn, Nhà tạm mái vòm. - Xây mới các hạng mục phụ trợ với diện tích khoảng 546m2; hạ tầng kỹ thuật tổng thể (Thang máy tải bệnh 2 điểm dừng diện tích 11,76m2, Mái taluy trồng cỏ 336m2, hệ thống cấp nguồn điện, hệ thống chiếu sáng ngoài nhà; giếng khoan sâu 200m và hệ thống lọc nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà; đường dây trung thế và Trạm biến áp 400KVA; bể nước ngầm và phòng cháy, chữa cháy khoảng 240 m3) - Cải tạo sửa chữa và nâng cấp các hạng mục với diện tích khoảng 5.524m2;	Huyện Kon Plông	2023-2025	624/QĐ-UBND, 15/12/2023	32.984	29.985	2.999	29.985	9.600
V	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn						10.910	9.918	992	9.918	3.083
V.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù						10.910	9.918	992	9.918	3.083
1	Xây dựng công trình thực hiện đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người gồm: (1) Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo đường nội thôn Làng Le; (2) Nâng cấp, sửa chữa Nhà rông văn hóa Làng Le	Ban Dân tộc tỉnh	- Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo đường nội thôn Làng Le với tổng chiều dài các tuyến đường khoảng 1.562,77m. - Nâng cấp, sửa chữa Nhà rông văn hóa Làng Le: (i) Cổng, tường rào, sân bê tông (Làm mới sân bê tông, lối dẫn vào nhà rông diện tích khoảng 950m2; Làm mới tường rào thoáng xung quanh nhà rông, chiều dài khoảng 170,0m; Làm mới cổng chính và cổng phụ vào nhà rông); Sửa chữa Nhà rông với diện tích sàn khoảng 58,0 m2	Xã Mô Ray, huyện Sa Thầy	2023-2025	59/QĐ-SKHĐT, 29/6/2023	10.910	9.918	992	9.918	3.083

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư/Dự kiến quy mô đầu tư (*)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư/Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến mức vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Dự kiến mức vốn bố trí năm 2024 (*)
						Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
								Vốn NSTW	Vốn NSDP (ngân sách tỉnh)		

Ghi chú: (*) Quy mô, mức vốn bố trí từng dự án đầu tư nêu trên là dự kiến; trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có thay đổi thì điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền nhưng không vượt quá tổng kế hoạch vốn năm 2024 của từng dự án thành phần đã được cấp thẩm quyền giao kế hoạch cho đơn vị.